TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/ DS-ST
Ngày: 08 - 12 - 2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệu
Ông Nguyễn Thanh Khoa

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa:

1.Nguyên đơn: Bà Lê Thị Út E, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, anh L và bà T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Út E và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Hoàng L trình bày:

Khoảng thời gian 2013, 2014, 2015 bà Út E có tham gia các gây hụi do bà T làm chủ hụi, hụi tháng, các phần hụi do bà tham gia đều chưa hốt hụi, cách nay

khoảng 05 năm, bà T tuyên bố vỡ hụi và số tiền hụi bà T còn nợ là 87.200.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Dây hụi bà T mở ngày 05/02/2013 âm lịch là 500.000 đồng/phần/tháng gồm có 28 phần, bà Út E tham gia 01 phần, góp được 26 tháng với số 13.000.000 đồng, khi vỡ hụi dây hụi này chưa mãn. Dây hụi này bà T không có đưa danh sách hụi viên tham gia cho bà Út E.

- Dây hụi bà T mở ngày 30/01/2014 âm lịch là 2.000.000 đồng/phần/ tháng gồm có 20 phần, bà tham gia 02 phần, góp được 11 tháng, mỗi phần là 15.730.000 đồng, 02 phần với số 31.460.000 đồng, khi vỡ hụi dây hụi này chưa mãn. Dây hụi này bà T có đưa sách hụi viên tham gia cho bà giữ. Khi khởi kiện bà Út E trình bày 20 phần là do khi khi tham gia bà T nói hụi 20 phần. Bà Út E đọc kỹ lại danh sách hụi viên bà T đưa cho bà thì bà xác định là 17 phần.

- Dây hụi bà T mở ngày 30/5/2015 âm lịch là 3.000.000 đồng/phần/ tháng gồm có 21 phần, bà tham gia 02 phần, góp được 12 tháng, mỗi phần là 21.370.000 đồng, 02 phần với số tiền là 42.740.000 đồng, khi vỡ hụi chưa mãn. Trong danh sách hụi viên không ghi tên Út Em mà ghi tên "Tí" và tên "Phụng" là tên thường gọi hai người con của bà, trong hộ khẩu các con bà tên Phạm Minh Triều tên thường gọi là "Tí" và Phạm Thị Phụng Anh tên thường gọi là "Phụng". Bà T có phô tô danh sách hụi viên cho bà chỉ có 17 phần nhưng khi khởi kiện bà trình bày 21 phần là do khi tham gia bà T nói hụi 21 phần. Bà Út E đọc kỹ lại danh sách hụi viên bà T đưa cho bà thì bà xác định là 17 phần.

Như vậy, số tiền nợ hụi bà T phải trả thanh toán cho bà là 87.200.000 đồng, bà T đã trả được là 48.000.000 đồng (hình thức trả nợ là do chị Hường đã hốt hụi của chị Trà nên chị Hường phải đóng lại cho bà T nhưng không đóng mà trả qua cho bà số tiền 48.000.000 đồng). Thời điểm đó hai bên thỏa thuận là trả cho khoản tiền nợ hụi. Như vậy số tiền nợ hụi bà T nợ bà Út E là 39.200.000 đồng. Khi bà T vỡ hụi thì một số hụi viên có tham gia cùng các dây hụi với bà Út E là Võ Thị Liềm, bà Trần Thị Hiền, Trần Thị Ánh, bà Phạm Thị Thanh Tuyền đều biết sự việc bà T khi vỡ hụi chưa thanh toán các dây hụi cho bà Út E.

Ngoài ra, bà Út E còn khởi kiện yêu cầu bà T trả khoản nợ vay là 85.000.000 đồng, gồm hai khoản thời gian:

- Khoảng tháng 4 năm 2013 bà Út E có cho bà T vay 60.000.000 đồng, số tiền này là tiền bà Út E tham gia hụi đã mãn hụi, bà Út E hốt xong cho bà T vay, khi vay không có làm giấy tờ, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 3%/ tháng, vay không thời hạn, khi cần sẽ thông báo cho bà T để trả số tiền này. Bà T có trả cho bà được khoảng 6 tháng lãi, đối với khoản vay này bà T chưa trả tiền nợ gốc.

- Tháng 11 năm 2015 bà Út E có cho bà T vay số tiền 25.000.000 đồng vay không có thời hạn, lãi suất 3%/ tháng, bà T trả lãi được một tháng thì không trả lãi và chưa trả nợ gốc. Đối với số tiền vay 25.000.000 đồng bà T có viết giấy với nội dung "Trà có mượn Mười số tiền là 25.000.000 đồng. Hai mươi lăm triệu đồng". Còn dòng chữ ngày mùng hai tháng 11- 2015 trong giấy này là do bà Út E viết, để biết ngày cho mượn, giấy này bà T viết tại nhà bà Út E.

- Khi tổng kết nợ hụi và nợ vay thì bà T có viết cho bà Út E một tờ giấy ghi tên "Mười" là vì tại địa phương tên thường gọi của bà Út E là "Mười" với nội dung thể hiện trong giấy này tính các dây hụi và ghi tiền mượn là 60.000.000 đồng. Giấy này do bà T viết tại nhà bà T khoảng thời gian cuối năm 2015, khi bà T viết giấy có sự chứng kiến của bà Liềm.

Tài liệu chứng cứ bà Út E nộp làm cơ sở giải quyết vụ án: bản chính giấy mượn tiền ngày mùng hai tháng 11-2015, bản chính danh sách hụi viên hụi 2000000 mở ngày 30/01/2014; giấy tổng kết tiền nợ hụi và nợ vay ghi tên Mười.

Do bà T hứa nhiều lần trả các khoản nợ trên nhưng không thực hiện, nên bà Út E khởi kiện có yêu cầu bà T trả cho bà số tiền nợ vay là 85.000.000 đồng, tiền nợ hụi là 39.200.000 đồng. Tổng cộng hai khoản nợ là 124.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, anh L là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Út E có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, trong nội dung đơn có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà Út E.

Đối với bị đơn là bà Trần Thị T trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản ghi lời khai của Tòa án ngày 10/11/2022, bà T trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Út E, bà T thừa nhận còn nợ bà Út E số tiền nợ hụi và nợ vay.

Đối với khoản nợ hụi do bà T là chủ hụi, bà Út E là hụi viên có tham gia các dây hụi như sau:

- Dây hụi 500.000 đồng, mở ngày 05/02/2013 âm lịch, hụi tháng, gồm 28 phần, bà Út E tham gia 01 phần đã đóng được 26 tháng, với số tiền 13.000.000 đồng, bà còn nợ bà Út E phần hụi này là 13.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 30/01/2014 âm lịch, hụi tháng, gồm 17 phần, bà Út E tham gia 02 phần, đóng được 17 tháng với số tiền 31.460.000 đồng, bà còn nợ bà Út E 02 phần hụi này là 31.460.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 30/5/2015 âm lịch, gồm 21 phần, bà Út E tham gia 02 phần, đã đóng được 12 tháng với số tiền 42.740.000 đồng, bà còn nợ bà Út E phần 02 phần hụi này là 42.740.000 đồng.

Đối với khoản vay 60.000.000 đồng, bà vay của bà Út E đã lâu, không nhớ thời gian, về khoản vay 25.000.000 đồng, bà vay của bà Út E khoảng tháng 11/2015, cả hai lần vay đều không có thời hạn, có đóng lãi cho các lần vay nhưng không có làm giấy tờ nên không nhớ số tiền bao nhiêu. Do bà Út E chỉ yêu cầu trả nợ gốc, nên không yêu cầu xem xét lại phần lãi đã đóng.

Đối với các tài liệu chứng cứ bà Út E nộp cho Tòa án, bà thống nhất và không có ý kiến. Bà là người viết giấy tính tiền nợ hụi và tiền mượn. Bà còn trình bày tại địa phương bà Út E có tên thường gọi là" Mười". Bà thừa nhận còn nợ bà Út E tổng số tiền 124.200.000 đồng, trong đó nợ vay 85.000.000 đồng, tiền hụi 39.200.000 đồng (tổng nợ hụi 87.200.000 đồng, đã trả cho bà Út E 48.000.000

đồng, còn nợ lại 39.200.000 đồng). Do điều kiện đi làm ăn xa ít khi về nhà nên bà T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành luật tố tụng của nguyên đơn: Bà Út E thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 70, 71 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành luật tố tụng của bị đơn: Bà T không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ các điều 463, 471 Bộ luật Dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Út E.

Buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Út E số tiền 124.200.000 đồng (trong đó tiền hụi 39.200.000 đồng, tiền vay 85.000.000 đồng).

Về tiền lãi: ghi nhận bà Lê Thị Út E không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Út E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T trả số tiền nợ vay và nợ hụi. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của bà Út E xác định vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hụi" quy định tại Điều 463, 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Trần Thị T là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp 2B, xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị Út E khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Út E số tiền nợ gốc đã vay là 85.000.000 đồng, nợ hụi là 39.200.000 đồng, tổng cộng là 124.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn bà Trần Thị T tại biên bản Tòa án ghi lời khai của bà Trần Thị T ngày 10/11/2022, bà T thừa nhận còn nợ bà Út E số tiền nợ vay là 85.000.000đồng, tiền nợ hụi là 39.200.000 đồng, tổng cộng là 124.200.000 đồng, thừa nhận về các tài liệu chứng cứ bà Út E cung cấp.

Việc thừa nhận nợ của bà T là chứng cứ để xác định bà T còn nợ bà Út E số tiền nợ vay là 85.000.000 đồng, tiền nợ hụi là 39.200.000 đồng, tổng cộng là

124.200.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên yêu cầu khởi kiện của bà Út E là có căn cứ, nên buộc bà T có nghĩa trả cho bà Út E số tiền 124.200.000 đồng. Trong đó tiền nợ hụi 39.200.000 đồng, tiền nợ vay là 85.000.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi: Bà Út E không yêu cầu tính lãi của khoản nợ vay, nợ hụi, bà T cũng không yêu cầu xem xét lại phần tiền lãi đã đóng cho bà Út E của khoản vay, nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[3] Phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Út E được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền là 124.200.000 đồng x 5% = 6.210.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Út E số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466; 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Út E.

Buộc bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Út E tổng số tiền nợ là 124.200.000đồng (một trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm nghìn) đồng. Trong đó tiền nợ hụi 39.200.000 (ba mươi chín triệu, hai trăm nghìn) đồng, tiền nợ vay là 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc bà Trần Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 6.210.000 (sáu triệu hai trăm mười nghìn) đồng.

Bà Lê Thị Út E không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.105.000 (ba triệu một trăm lẽ năm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007231 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Huệ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Huệ